

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Thống kê tỉnh Khánh Hòa**

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-CTK ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa (*chi tiết tại biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu: VT, TCHC.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Lê Thị Trúc Phương

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 33 ngày 14/8/2025 của Trưởng Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	TỔNG CỘNG	37.592.343.395
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	36.864.123.289
I	Nguồn ngân sách trong nước	36.864.123.289
1	Chi quản lý hành chính	36.794.423.289
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.791.398.408
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	23.003.024.881
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	69.700.000
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	69.700.000
B	Tạm ứng	728.220.106
I	Nguồn ngân sách trong nước	728.220.106
1	Chi quản lý hành chính	728.220.106
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	728.220.106

